CHẾ ĐỊNH CHỦ TỊCH NƯỚC TRONG CÁC BẢN HIẾN PHÁP CỦA NƯỚC CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA

TRẦN THỊ HOA
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 03/3/2025. Sửa chữa xong 10/3/2025. Duyệt đăng 20/3/2025.

Abstract

China is a country with the second-largest economy in the world. Currently, the activities of the General Secretary and President of China always attract attention both domestically and internationally. However, throughout the history of the People's Republic of China, the position and power of the head of state have undergone many complex changes. This article examines the changes related to the office of the President in China from 1949 to the present from the perspective of constitutional history.

Keywords: *China, President, Chinese constitution, Chinese head of state.*

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, nguyên thủ quốc gia nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa - Chủ tịch nước Tập Cận Bình thường được xếp vào danh sách những người có quyền lực lớn nhất trong đời sống chính trị của các nước trên thế giới. Tại sao lại như vậy? Đó là do ở Trung Quốc, Tổng bí thư Đảng cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch nước và Chủ tịch Quân ủy Trung ương do một người đảm nhiệm. Nhìn lại trong quá khứ, không phải đến hiện nay ở Trung Quốc mới xác lập thể chế này, mà ngay từ những ngày đầu nước cộng hòa nhân dân (CHND) Trung Hoa được thiết lập với bản hiến pháp đầu tiên được ban hành năm 1954 thể chế "Tam vị nhất thể" đã được xác lập ở người đứng đầu Đảng và Nhà nước - Chủ tịch Mao Trạch Đông. Trải qua những biến thiên của lịch sử, chế định Chủ tịch nước ở Trung Quốc có nhiều biến động rồi tái thiết lập lại mô hình này. Bài viết dưới góc độ tìm hiểu chế định Chủ tịch nước trong lịch sử lập hiến Trung Quốc góp phần lí giải rõ hơn hiện tượng này trong đời sống chính trị của nước CHND Trung Hoa.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Chế định Chủ tịch nước trong Hiến pháp Trung Quốc 1954

Ngày 01/10/1949, nước CHND Trung Hoa chính thức được thành lập. Khi nước CHND Trung Hoa thành lập vào năm 1949, không có Chủ tịch nước trong hệ thống chính trị mà chỉ có Chủ tịch Chính phủ Nhân dân Trung ương do Mao Trach Đông đảm nhiệm. Tuy nhiên, Chủ tịch Chính phủ Nhân dân Trung ương không phải là cơ quan nhà nước độc lập mà chỉ là thành viên của Ủy ban Chính phủ Nhân dân Trung ương. Do vậy, từ khi thành lập nước CHND Trung Hoa tháng 10/1949 đến tháng 9/1954, Ủy ban Chính phủ Nhân dân Trung ương trên thực tế đã thực hiện chức năng của nguyên thủ quốc gia. Điều này đã gây khó khăn nhất định trong các công việc đối nội, đối ngoại của nhà nước.

Khi soạn thảo Hiến pháp nước CHND Trung Hoa năm 1954, Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quyết định đặt chức vụ Chủ tịch nước là người đứng đầu đất nước. Mao Trạch Đông đã lý giải nguyên nhân: "Để đảm bảo an ninh quốc *gia, chức vụ Chủ tịch nước được thành lập. Trung Quốc là một nước lớn và mục đích của việc đặt Chủ tịch nước là để làm cho đất nước an toàn hơn. Sẽ an toàn hơn*

(*) Bài viết này nằm trong khuôn khổ đề tài của Trường Đại học Luật Hà Nội: "Chế định nguyên thủ quốc gia trong lịch sử lập hiến Trung Quốc và giá trị tham khảo đối với Việt Nam" năm 2024.

Email: maihoa1204@gmail.com

nếu có một Chủ tịch Quốc hội, một Thủ tướng và một Chủ tịch nước, như thế càng an toàn bởi không thể xảy ra vấn đề ở cả ba nơi cùng một lúc... Việc thành lập một Chủ tịch nước cũng có tác dụng là vùng đệm giữa Quốc vụ viện và Đại hội đại biểu (ĐHĐB*) nhân dân toàn quốc*"[2, tr. 324]. Đối với vấn đề quyền lực của Chủ tịch nước, Mao Trạch Đông cho rằng nên thiết kế có "sự kết hợp giữa ảo và thực", "trong ảo có thực"[7]. Quyền hạn của Chủ tịch nước trong Hiến pháp 1954 đã minh chứng cho điều đó.

Theo quy định của Hiến pháp 1954, "*Chủ tịch nước CHND Trung Hoa do ĐHĐB nhân dân toàn quốc bầu ra trong số các công dân từ 35 tuổi trở lên với nhiệm kì là 4 năm*" (Điều 39) [5, tr. 200]; "*Chủ tịch nước CHND Trung Hoa đại diện cho nước CHND Trung Hoa về đối ngoại"* (Điều 41) [5, tr. 200]. Như vậy, Hiến pháp 1954 mặc dù không quy định cụ thể, địa vị nguyên thủ quốc gia của Chủ tịch nước nhưng đã xác định Chủ tịch nước là người đại diện chính thức cho nước CHND Trung Hoa trong các hoạt động đối ngoại. Thêm vào đó, các thẩm quyền cụ thể được quy định trong hiến pháp đã minh chứng cho địa vị pháp lý nguyên thủ quốc gia của Chủ tịch nước.

Về thẩm quyền, theo Điều 40 Hiến pháp 1954: «*Chủ tịch nước CHND Trung Hoa, căn cứ theo quyết định của* ĐHĐB *nhân dân toàn quốc, quyết định của Ủy ban Thường vụ* ĐHĐB *nhân dân toàn quốc, công bố luật và pháp lệnh, bổ nhiệm, miễn nhiệm Thủ tướng, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng các bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Chủ tịch và Ủy viên của Quân ủy Trung ương, trao tặng huân chương và các danh hiệu vinh dự của nhà nước, ban bố lệnh đại xá và đặc xá, ban bố lệnh giới nghiêm, tuyên bố tình trạng chiến tranh, ban hành lệnh động viên*"[5, tr. 200]. Điều 41 quy định: "*Chủ tịch nước CHND Trung Hoa đại diện cho nước CHND Trung Hoa về đối ngoại, tiếp các đại sứ của nước ngoài; căn cứ vào quyết định của Ủy ban Thường vụ* ĐHĐB *nhân dân toàn quốc, phái cử hoặc triệu hồi các đại diện toàn quyền ở nước ngoài, phê chuẩn các điều ước được kí kết với nước ngoài*"[5, tr. 200]. Như vậy, Hiến pháp 1954 đã trao cho Chủ tịch nước những thẩm quyền cơ bản của một nguyên thủ quốc gia, với tư cách đại diện cho nước CHND Trung Hoa trong các hoạt động đối nội, đối ngoại, đảm bảo sự "chính danh" và chính thức hóa về mặt nhà nước.

Tuy nhiên, từ những quy định này, chúng ta có thể nhận thấy tính chất "ảo" trong quyền lực của Chủ tịch nước được quy định trong bản hiến pháp này. Hiến pháp 1954 là bản hiến pháp XHCN, được xây dựng theo tinh thần vận dụng nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa, theo đó, quyền lực nhà nước tập trung vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là ĐHĐB nhân dân toàn quốc (Quốc hội). Các cơ quan quyền lực nhà nước khác đều do ĐHĐB nhân dân toàn quốc thành lập ra, giao nhiệm vụ, quyền hạn và đều phải đặt dưới sự giám sát của cơ quan này. Do vậy, Chủ tịch nước do ĐHĐB nhân dân toàn quốc bầu, miễn nhiệm. Chủ tịch nước phải chịu trách nhiệm trước ĐHĐB nhân dân toàn quốc. Như vậy, Chủ tịch nước là một thiết chế phái sinh từ ĐHĐB nhân dân toàn quốc, do đó, nhiều thẩm quyền của Chủ tịch nước bị hạn chế và phụ thuộc vào quyết định của ĐHĐB nhân dân toàn quốc.

Ở phương diện khác, Hiến pháp 1954, đã mở rộng một số quyền của Chủ tịch nước với tư cách là nguyên thủ quốc gia. Chủ tịch nước còn có quyền: *Thống lĩnh các lực lượng vũ trang và giữ chức Chủ tịch Quân ủy Trung ương* (Điều 42)[5,tr.200]; "*Khi cần thiết Chủ tịch Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa triệu tập hội nghị Hội đồng nhà nước tối cao và giữ chức Chủ tịch Hội đồng tối cao nhà nước*" (Điều 43) [5, tr. 201]. Địa vị và quyền lực tối cao của Hội đồng tối cao nhà nước là điều hiển nhiên, không bàn cãi. Có thể thấy, quyền triệu tập này là một quyền rất "thực" mà Chủ tịch nước có được theo Hiến pháp 1954. Với hai quyền nêu trên đã khiến cho Chủ tịch nước không còn là chức vụ "hữu danh vô thực" nữa, mà trở thành người có quyền lực thực tế, đúng như mục đích ban đầu khi thiết kế chức vụ này của các nhà lập pháp "trong ảo có thực", "ảo ảo thực thực" ở trong nhau. Chủ tịch nước có thể *"dựa vào hiến pháp và sử dụng khéo léo các hình thức như Hội đồng Nhà nước tối cao để phát huy tài năng và ảnh hưởng cá nhân của mình nhằm tác động và kiểm soát tình hình chung"*[6]. Do sự tồn tại của chế độ lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc, ảnh hưởng của Hội đồng Nhà nước tối cao đối với chính trị Trung Quốc *phụ thuộc vào việc Chủ tịch* nước có phải là lãnh đạo cao nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc hay không. Thực tiễn thực thi quyền lực của Chủ tịch nước sau khi Hiến pháp được ban hành đã chứng minh điều đó.

Trên thực tế, trong giai đoạn Mao Trạch Đông đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch nước, ông đồng thời đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Đảng cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Quân ủy Trung ương (1954-1959) đã nhiều lần (gần 20 lần) triệu tập cuộc họp của Hội đồng nhà nước tối cao. Thành phần không chỉ bao gồm Phó chủ tịch nước, Chủ tịch ĐHĐB nhân dân toàn quốc, Thủ tướng và những người khác có liên quan có khi lên tới "hàng chục người", thậm chí dưới hình thức Hội nghị Hội đồng nhà nước tối cao mở rộng có khi thành viên lên tới "hàng ngàn người"[6]. Những điều này, chứng tỏ quyền lực của Mao Chủ tịch không phải là "ảo" mà là "thực quyền" rất lớn.

Năm 1959, Lưu Thiếu Kỳ thay thế Mao Trạch Đông giữ chức vụ Chủ tịch nước. Mặc dù trong giai đoạn 1959 - 1966, về mặt Hiến pháp không có gì sửa đổi nhưng ở Trung Quốc thực tế tồn tại chế độ chính trị "Hai Chủ tịch", Mao Trạch Đông đảm đương chức Chủ tịch Đảng còn Lưu Thiếu Kỳ giữ chức Chủ tịch nước nên việc thực hiện vai trò của Chủ tịch nước của Lưu Thiếu Kỳ trên thực tế chịu sự ảnh hưởng rất lớn của sự "đấu tranh" trong nội bộ các nhà lãnh đạo. Dưới sự tác động của phong trào cực «Tả» Đại cách mạng văn hóa vô sản, lại thiếu cơ chế bảo hiến, nên Hiến pháp 1954 của Trung Quốc đã bị «lãng quên". Trong thời gian Lưu Thiếu Kỳ giữ chức vụ Chủ tịch nước tính chất "ảo" trong quyền lực của Chủ tịch nước thể hiện rõ nét. Năm 1968, sau khi Lưu Thiếu Kỳ bị bãi chức, bị giam giữ rồi mất năm 1969, chức vụ Chủ tịch nước bị bỏ trống trong thời gian dài, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc vận hành của thể chế chính trị và hình ảnh của Trung Quốc trên trường quốc tế, Hiến pháp 1954 đã không thể tiếp tục vận hành, việc sửa đổi Hiến pháp trở nên cấp bách.

2.2. Chế định Chủ tịch nước trong Hiến pháp Trung Quốc 1975 và Hiến pháp 1978

Ngày 09/3/1970 Bộ chính trị Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc đã thành lập một Tiểu ban sửa đổi Hiến pháp. Mao Trạch Đông đã có ý kiến chỉ đạo, được phản ánh trong Báo cáo của Tiểu ban cuối tháng 3/1970: "*tuân thủ chỉ thị vĩ đại của Mao chủ tịch, Đại hội đại biểu toàn quốc khóa IV cần sửa đổi Hiến pháp. Mao Chủ tịch chỉ thị không đặt chức Chủ tịch nước, trong cuộc họp của Cục chính trị* đã thảo luận và *nhất trí ủng hộ*" [4, tr. 266]. Tháng 8/1970, Hội nghị toàn quốc lần thứ 2 Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa IX đã khai mạc. Hội nghị diễn ra tranh luận giữa các phe phái chủ yếu xoay quanh vấn đề giữ hay bỏ chức Chủ tịch nước. Đặc biệt giữa Mao Trạch Đông chủ trương bỏ còn Lâm Bưu kiên trì giữ chức Chủ tịch nước khiến cho không thể thông qua hiến pháp. Việc sửa đổi Hiến pháp rơi vào bế tắc. Năm 1971, sau sự kiện Lâm Bưu bỏ trốn ra nước ngoài bị tử nạn, việc bãi bỏ chức Chủ tịch nước ngã ngũ. Nhưng phải đến ngày 17/01/1975, Hội nghị thứ nhất của ĐHĐB nhân dân toàn quốc khóa IV mới họp một phiên duy nhất và thông qua Hiến pháp 1975. Năm 1976, sau cái chết của Mao Trạch Đông và "bè lũ bốn tên" bị trấn áp, Đại Cách mạng văn hóa vô sản trên thực tế đã kết thúc nhưng công cuộc Cải cách mở cửa vẫn chưa bắt đầu. Hiến pháp 1978 ra đời trong bối cảnh thời kì quá độ đó.

Hiến pháp CHND Trung Hoa 1975 và 1978 được thông qua trong bối cảnh chính trị vô cùng nhiễu loạn thời kì Đại cách mạng văn hóa vô sản. Điều này ảnh hưởng rất lớn tới nội dung Hiến pháp. Một trong những thay đổi quan trọng nhất là *xóa bỏ chức vụ Chủ tịch nước*, đem thẩm quyền của Chủ tịch nước giao cho các cơ quan khác ở chính quyền trung ương hoặc cơ quan của Đảng cộng sản Trung Quốc đảm nhiệm, nhiều nội dung liên quan đến chế định Chủ tịch nước trong Hiến pháp 1954 đã bị bãi bỏ. Quyền đề cử Thủ tướng được giao cho Ủy ban Trung ương Đảng, quyền bổ nhiệm miễn nhiệm Thủ tướng và các thành viên của Chính phủ được giao cho ĐHĐB nhân dân toàn quốc thực hiện theo quyết định của Ủy ban Trung ương Đảng (Điều 17 Hiến pháp 1975 và Điều 22 Hiến pháp 1978). Quyền lãnh đạo các lực lượng vũ trang chuyển cho Chủ tịch Ủy ban Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc (Điều 15 Hiến pháp 1975 và Điều 19 Hiến pháp 1978). Các thẩm quyền khác về đối nội của Chủ tịch nước trong Hiến pháp 1954 đã bị xóa bỏ trong Hiến pháp 1975 như: công bố luật, pháp lệnh; đề cử Phó chủ tịch và Ủy viên của Quân ủy Trung ương; triệu tập Hội đồng nhà nước tối cao; trao tặng huân chương và các danh hiệu vinh dự của nhà nước; ban bố lệnh đại xá và đặc xá; ban bố lệnh giới nghiêm, tuyên bố tình trạng chiến tranh, ban hành lệnh động viên và một số quyền khác. Đến Hiến pháp 1978 mới đưa trở lại quyền ban bố lệnh đặc xá và trao tặng danh hiệu vinh dự nhà nước, nhưng lại giao thẩm quyền này cho Ủy ban thường vụ ĐHĐB nhân dân toàn quốc (Khoản 10, 11 Điều 25 Hiến pháp 1978);

quyền công bố luật, pháp lệnh giao cho Chủ tịch Ủy ban thường vụ ĐHĐB nhân dân toàn quốc (Điều 26). Những thẩm quyền về đối ngoại của Chủ tịch nước trong Hiến pháp 1954 cơ bản được chuyển sang cho Ủy ban Thường vụ ĐHĐB nhân dân toàn quốc hoặc Chủ tịch Ủy ban Thường vụ ĐHĐB nhân dân toàn quốc.

Việc không đặt chức vụ Chủ tịch nước trong Hiến pháp 1975, 1978 có liên hệ mật thiết với ý định và những tính toán của Mao Trạch Đông. Thông qua sự sắp xếp như vậy, Mao không những tránh được công việc nghi thức quốc gia tẻ nhạt mà còn giữ vững quyền lực quân sự trong tay mình, một lần nữa thực hiện thống nhất quyền chỉ huy lực lượng vũ trang trong cả nước.

Hai bản Hiến pháp 1975, 1978 này có nhiều điểm không phù hợp về mặt pháp lý. Hiến pháp năm 1975 và 1978 đã giao một số quyền nguyên thủ quốc gia cho Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Ủy ban Trung ương Đảng không phải là một cơ quan trong bộ máy nhà nước mà Chủ tịch Ủy ban Trung ương Đảng cũng không giữ bất kì chức vụ nào trong bộ máy nhà nước. Cả hai đều không có tư cách hợp pháp để thực hiện quyền hạn của nguyên thủ quốc gia, bất kể nguồn gốc, địa vị hay bản chất quyền lực. Sự sắp xếp này rõ ràng không thể biện minh được về mặt pháp lý.

2.3. Chế định nguyên thủ quốc gia trong Hiến pháp Trung Quốc 1982 và các lần sửa đổi

Từ năm 1978 đến nay, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lãnh đạo công cuộc Cải cách mở cửa giành được những thành tựu lớn, làm thay đổi Trung Hoa. Đúng như đồng chí Đặng Tiểu Bình nhận xét: "*Cải cách là cuộc cách mạng thứ hai ở Trung Quốc"*[3, tr. 113].

Công cuộc Cải cách mở cửa khiến cho Hiến pháp 1978 đã bộc lộ rất nhiều hạn chế, bất cập không đáp ứng được yêu cầu là trở thành luật gốc, rường cột cho Trung Quốc xây dựng đất nước thời kì mới. Hội nghị lần thứ 3 ĐHĐB nhân dân toàn quốc khóa V (9/1980), đã ra nghị quyết về việc sửa đổi hiến pháp. Ngày 04/12/1982, ĐHĐB Nhân dân toàn quốc khóa V đã chính thức thông qua Hiến pháp 1982 của nước CHND Trung Hoa.Trong quá trình tham vấn sửa đổi hiến pháp, vấn đề tái thiết lập lại hay không chức vụ Chủ tịch nước được đặt ra, luận bàn kỹ lưỡng với nhiều ý kiến khác nhau. Trong đó, ý kiến tái thiết lập lại chức vụ Chủ tịch nước theo tinh thần Hiến pháp 1954 chiếm đa số áp đảo và được Đặng Tiểu Bình ủng hộ rõ ràng. Đồng chí Tiểu Bình nói: *"Chúng ta vẫn cần khôi phục chức Chủ tịch nước. Chúng ta là một nước lớn và điều này sẽ có lợi cho đất nước"*[3, tr. 334]. Đồng thời, ông cũng đề xuất rằng quyền hạn của Chủ tịch nước nên được quy định theo cách "mơ hồ" hơn, Chủ tịch nước không nên tham gia vào các vấn đề cụ thể, đưa ra các quyết định cụ thể hoặc can thiệp vào các công việc hành chính của chính phủ [1, tr. 16].

Hiến pháp 1982 trải qua nhiều lần sửa đổi (1988, 1993, 1999, 2004, 2018) về cơ bản những nội dung liên quan đến Chủ tịch nước không có nhiều thay đổi quá lớn. Hiến pháp 1982 khôi phục những nội dung cơ bản liên quan đến địa vị pháp lý, thẩm quyền về đối nội, đối ngoại của Chủ tịch nước với tư cách là nguyên thủ quốc gia được quy định trong Hiến pháp 1954. Chỉ có sự khác biệt là, trong Hiến pháp 1982, đã tăng độ tuổi ứng viên chức vụ Chủ tịch nước lên 45, và có quy định giới hạn nhiệm kì của Chủ tịch nước không quá 2 nhiệm kì (Điều 79). Việc hiến pháp giới hạn nhiệm kì của Chủ tịch nước là một nội dung được đánh giá cao trong Hiến pháp 1982. Tuy nhiên, đến sửa đổi Hiến pháp 2018 cũng đã xóa bỏ quy định này. So với Hiến pháp 1954, trong sửa đổi hiến pháp 2004 cũng đã quy định rõ ràng hơn địa vị pháp lý của Chủ tịch nước "*Chủ tịch nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đại diện cho nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tiến hành các hoạt động nhà nước và tiếp nhận các đại sứ nước ngoài*" (Điều 81).

Ngoài ra, so với Hiến pháp 1954, Hiến pháp 1982 đã bỏ hai quyền quan trọng của Chủ tịch nước: lãnh đạo các lực lượng vũ trang toàn quốc, Chủ tịch Quân ủy trung ương và triệu tập Hội đồng nhà nước tối cao. Theo đó, Hiến pháp 1982 đã chính thức xác lập chế độ nguyên thủ quốc gia chủ yếu mang tính biểu tượng, quyền lực bị hạn chế và phụ thuộc vào ĐHĐB nhân dân toàn quốc, Ủy ban Thường vụ ĐHĐB nhân dân toàn quốc. Việc thiết lập "quyền lực ảo" cho chế độ Chủ tịch nước trong Hiến pháp

1982 không chỉ là kết quả tổng kết bài học kinh nghiệm từ ba bản hiến pháp trước đó của Trung Quốc, mà còn là kết quả của sự hiểu biết sâu sắc hơn của các nhà soạn thảo hiến pháp về bản chất, địa vị và vai trò của nguyên thủ quốc gia hiện đại trong tiến trình chính trị.

2.4. Chế độ "Tam vị nhất thể"

Vào đầu những năm 1980, Đặng Tiểu Bình đã lãnh đạo cải cách chế độ lãnh đạo trong Đảng Cộng sản Trung Quốc, bãi bỏ chức vụ Chủ tịch Đảng, thực hiện chế độ Tổng bí thư. Tổng bí thư Đảng và Chủ tịch Quân ủy Trung ương do những người khác nhau nắm giữ, hình thành nên hình thế phân tách quyền lực Đảng, quyền lực Nhà nước và quyền lực Quân sự. Đặng Tiểu Bình hy vọng tránh được thảm kịch chính trị của thời Mao Trạch Đông và đạt được sự chuyển giao quyền lực của Đảng và Nhà nước một cách suôn sẻ thông qua mô hình phân cấp này. Nhờ uy tín lớn của Đặng Tiểu Bình và các nhà lãnh đạo thế hệ cũ cả trong và ngoài Đảng, mô hình phân cấp này về cơ bản vẫn ổn định trong những năm 1980. Tuy nhiên, bản thân Đặng Tiểu Bình nhận ra rằng, nếu quyền lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước và Quân đội được phân tách thì nhóm lãnh đạo nòng cốt mới sau thế hệ ông sẽ khó có thể thiết lập được quyền lực của mình. Cuối cùng, Đặng Tiểu Bình đã ủng hộ việc thành lập chế độ lãnh đạo "ba trong một" vào cuối những năm 1980 và đầu những năm 1990. Tháng 5/1989, Đặng Tiểu Bình trong một cuộc nói chuyện với các nhà lãnh đạo cao cấp đã nhấn mạnh: "*Tôi hy vọng mọi người sẽ đoàn kết tốt xung quanh đồng chí Giang Trạch Dân làm hạt nhân. Chỉ cần nhóm lãnh đạo này đoàn kết và kiên trì Cải cách mở cửa, tạo nên sự phát triển ổn định trong vài thập kỷ, Trung Quốc sẽ có những thay đổi cơ bản. Chìa khóa nằm ở hạt nhân lãnh đạo*"[3, tr. 301]. Tại Hội nghị toàn thể lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa XIII (tháng 7/1989) đồng chí Giang Trạch Dân được bầu làm Tổng bí thư. Ngày 09/11/1989, Hội nghị toàn thể lần thứ 5 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc khóa XIII đã quyết định đồng chí Giang Trạch Dân giữ chức Chủ tịch Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Tháng 3/1990, đồng chí Giang Trạch Dân được bầu làm Chủ tịch Quân ủy Trung ương nước CHND Trung Hoa. Tháng 10/1992, ông lại được bầu làm Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc và Chủ tịch Quân ủy Trung ương Đảng. Tháng 3/1993, ông được bầu làm Chủ tịch nước CHND Trung Hoa và Chủ tịch Quân ủy Trung ương nước CHND Trung Hoa. Vào thời điểm này, hệ thống lãnh đạo "tam vị nhất thể" đã được hình thành. Từ đó đến nay, ngoại trừ thời kỳ chuyển giao quyền lực tối cao của Đảng, Chính quyền và Quân đội thì hầu hết 3 vị trí lãnh đạo Chủ tịch nước, Tổng Bí thư, Chủ tịch Quân ủy trung ương đều do một người nắm giữ. Chế độ lãnh đạo cao nhất "ba trong một" ở Trung Quốc được thực hiện theo trật tự: Năm đầu tiên, người lãnh đạo sẽ đảm nhiệm chức vụ Tổng bí thư Đảng; năm thứ hai thông qua quá trình bầu cử để ĐHĐB nhân dân toàn quốc bầu làm Chủ tịch nước và Chủ tịch Quân ủy Trung ương. Xét về góc độ lãnh đạo thống nhất của Đảng, điều này trao cho Tổng bí thư Đảng danh hiệu Chủ tịch nước CHND Trung Hoa. Tổng bí thư có địa vị nguyên thủ quốc gia, trở thành người đại diện cao nhất của Trung Quốc cả về đối nội và đối ngoại, địa vị vì thế được nâng cao. Đồng thời, sự sắp xếp này tìm ra vị trí thích hợp cho Tổng bí thư trong hệ thống thể chế quốc gia, hợp pháp hóa sự thống nhất của người ra quyết định cao nhất và đại diện cao nhất về đối nội và đối ngoại của Trung Quốc, trao cho người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc tính chính danh để đại diện cho đất nước trong các hoạt động quốc tế.

Tóm lại, việc thiết lập chế độ lãnh đạo "ba trong một" từ những năm 1990 là kết quả của việc tổng kết kinh nghiệm và bài học từ những thay đổi trong chế độ nguyên thủ quốc gia của Trung Quốc. Trong bối cảnh chính trị hiện tại của Trung Quốc, thực tiễn Chủ tịch nước kiêm nhiệm Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc là sự thích ứng với chế độ lãnh đạo của Đảng và chính phủ Trung Quốc, là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại và hoạt động bình thường của chế độ Chủ tịch nước ở Trung Quốc. Đánh giá về chế độ Tam vị nhất thể này, đồng chí Giang Trạch Dân đã nói: "*Hệ thống lãnh đạo với thể chế "tam vị nhất thể" Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và Chủ tịch Quân ủy có ý nghĩa rất quan trọng* đối với một Đảng lớn và một đất nước lớn như nước ta *(Trung Quốc), đó không chỉ là cần thiết mà còn là cách làm phù hợp nhất*" [7].

3. Kết luận

Chức vụ Chủ tịch nước được chính thức quy định trong Hiến pháp 1954 - bản hiến pháp đầu tiên của nước CHND Trung Hoa. Chế độ Chủ tịch nước Trung Quốc thực chất là chế độ nguyên thủ quốc gia. Từ những năm 1950, chế định Chủ tịch nước của Trung Quốc đã trải qua quá trình phát triển phức tạp, từ chế độ quyền lực thực sự trong những ngày đầu dưới thời Chủ tịch Mao Trạch Đông đến chế độ quyền lực ảo và đến thể chế "Tam vị nhất thể" hiện nay. Sự phát triển này phản ánh một số vấn đề:

Thứ nhất, các nhà lập hiến và lãnh đạo ở các thời kỳ đã bộc lộ những hạn chế ở mức độ khác nhau trong việc hiểu biết về hệ thống nguyên thủ quốc gia hiện đại.

Thứ hai, trong một quốc gia như Trung Quốc, Đảng cộng sản lãnh đạo thì mức độ Chủ tịch nước tương thích với hệ thống lãnh đạo Đảng và Chính phủ trong các giai đoạn khác nhau sẽ trực tiếp dẫn đến sự trỗi dậy và sụp đổ của chế độ Chủ tịch nước. Sau gần bốn thập kỷ điều chỉnh liên tục, mối quan hệ giữa chế độ Chủ tịch nước và chế độ lãnh đạo thống nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc cuối cùng đã thiết lập nên chế độ lãnh đạo tối cao quốc gia "ba trong một" vào đầu những năm 1990. Chế độ Chủ tịch nước cuối cùng đã trở thành một sự sắp xếp thể chế phụ thuộc vào chế độ lãnh đạo tối cao này. Sự sắp xếp này phù hợp sự lãnh đạo thống nhất, cao nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với công việc nhà nước.

Thứ ba, nhìn về mặt quy định văn bản của Hiến pháp, nhiều người cho rằng, thẩm quyền của Chủ tịch nước chủ yếu mang tích chất "ảo". Nhưng trên thực tế, cái gọi là "quyền lực ảo" của Chủ tịch nước đã bị chuyển hóa thành"sức mạnh thực sự" trong thực tế ở nhiều giai đoạn. Điều đáng chú ý là quyền lực của Chủ tịch nước "thực"hay "ảo" có liên quan mật thiết đến các quy tắc bất thành văn trong đời sống chính trị Trung Quốc. Các quy định của hiến pháp sẽ có những thay đổi, phát triển nhất định, thậm chí có những biến dạng trong thực tiễn thực thi hiến pháp. Điều này phụ thuộc vào trung tâm quyền lực chính trị ở Trung Quốc, tức là sự phối hợp của Đảng, Chính phủ và Quân đội như thế nào.

Tài liệu tham khảo

[1] Vương Hán Bân (2004), *Đồng chí Đặng Tiểu Bình với Dự thảo Hiến pháp 1982, Trung Quốc Nhân Đại,* 王汉斌． 邓小平同志亲自指导起草一九八二年宪法［J］． 中国人大. 2004

[2] Bàng Tiên Tri, Kim Xung Cập (2003), *Mao Trạch Đông tuyển tập (1949 - 1976), Bắc Kinh: NXB Văn hiến trung ương* .逄先知， 金冲及． 毛泽东传(1949 一 1976)［M］． 北京:中央文献出版社，2003.

[3] *Đặng Tiểu Bình văn tuyển*, quyển 3, (1993), NXB Nhân dân, Bắc Kinh, 1993. 邓小平文选， 第3 卷，人民出版社，北京. 1993.

[4] Hứa Sùng Đức, (2005), *Lịch sử Hiến pháp nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*, quyển thượng, NXB Nhân dân Phúc Kiến. 许崇德, 中华人民共和国宪法史，，福建人民出版社, 2005.

[5] Trần Thị Hoa (chủ biên, 2022), *Lược sử lập hiến Trung Quốc từ 1949 - nay*, NXB Tri thức, Hà Nội.

[6] Mã Lĩnh (2014), *Nhìn lại và suy ngẫm về lịch sử chế độ Chủ tịch nước Trung Quốc*, Tạp chí khoa học pháp luật, số 6/2014. 马岭：我国国家主席制度的历史回顾及反思，《法律科学》2014年第6期。

[7] *Những biến đổi của chế độ Chủ tịch nước của nước Trung Quốc mới (2010).*, 新中国国家主席制度变迁, https://www.chinanews.com.cn/gn/2010/09-.